

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THÚ Y
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 330243**

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược liệu

Tên Tiếng Anh: Veterinary pharmar

Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: Chăn nuôi Thú y
- Khoa: Nông nghiệp-Thủy sản

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 4 tuần lý thuyết và 6 tuần thực hành (4 tiết lý thuyết/tuần + 5 tiết thực hành/tuần)

Học kỳ: VII (học kỳ I năm thứ 4)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: Nguyễn Xuân Bình (SĐT: 0913876005; Email: nguyenxuanbinh1955@yahoo.com)

- Danh sách giảng viên cùng GD: Nguyễn Thị Kim Quyên (SĐT: 01655 346 504; Email: quyen@tvu.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước hoặc song song: Sinh học đại cương, Dược lý thú y

Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> | | | | | | | |
|---|----------------------------------|---|----------------------------------|--|---|-------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> | | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> | | | |
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh <input type="checkbox"/> Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> | | | | | | | | | |

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mô tả học phần

Giới thiệu các vấn đề cơ bản về tầm quan trọng và lịch sử phát triển của dược liệu. Kỹ thuật trồng, thu hái, phơi sấy, chế biến, bào quản dược liệu. Xác định thành phần, tác dụng của dược liệu, Mô tả cây dược liệu chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ, chất kháng khuẩn, alkaloid, tinh dầu và lipid. Nhận dạng một số cây dược liệu thông dụng.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng và lịch sử phát triển của dược liệu, thành phần, tác dụng của dược liệu, mô tả cây dược liệu chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ, chất kháng khuẩn, alkaloid, tinh dầu và lipid và kỹ năng về nhận dạng một số cây dược liệu thông dụng. Kỹ thuật trồng, thu hái, phơi sấy, chế biến, bào quản dược liệu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT).

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | | | |
|--------|--------|---|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
| | | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 |
| 330243 | DL | N | N | S | S | S | S | S | S | S | S |

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

| Ký hiệu | KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CDR của CTĐT |
|------------------|---|--------------|
| Kiến thức | | |
| CELO 1 | Xác định tầm quan trọng và lịch sử phát triển của dược liệu | ELO3,4,8,9 |
| CELO 2 | Xác định thành phần, tác dụng của dược liệu | ELO3,4,8,9 |
| CELO 3 | Mô tả cây dược liệu chứa một số chất | ELO3,4,8,9 |
| Kỹ năng | | |
| CELO 4 | Trồng cây dược liệu | ELO5,6,7 |
| CELO 5 | Trình bày kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến, bảo quản dược liệu | ELO 5, 6,7 |
| CELO 6 | Nhận dạng một số cây dược liệu thông dụng | ELO5,6,7 |
| Thái độ | | |
| CELO 7 | Có ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ý thức trong việc tuân thủ các nguyên tắc phòng thí nghiệm, xử lý chất thải phòng thí nghiệm. | ELO 10,11 |

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng kết hợp trình chiếu powerpoint
- Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm
- Tham quan vườn dược liệu

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên đọc tài liệu liên quan đến dược liệu
- Sinh viên lắng nghe giảng bài, suy nghĩ và trả lời câu hỏi do giảng viên đặt ra
- Sinh viên thảo luận nhóm thiết kế seminar và trình bày trước lớp

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% cho phần lý thuyết và 100% cho phần thực hành.

- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc các tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp; thảo luận và trả lời các câu hỏi do giảng viên đặt ra tại lớp.

- Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, trình bày ý kiến.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

3. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMD của học phần

| Các | Quá trình | Thi hết môn | Kết quả môn học |
|-----|-----------|-------------|-----------------|
|-----|-----------|-------------|-----------------|

| KQHTMD của HP | Lý thuyết (10 điểm) | Thực hành (10 điểm) | (10 điểm) | Đạt | Không đạt |
|------------------|------------------------|------------------------|-----------|--|---|
| CELO 1 | x | | x | Điểm trung bình (quá trình + Thi hết môn) ≥4 | Điểm trung bình (quá trình + Thi hết môn) < 4 |
| CELO 2 | x | | x | | |
| CELO 3 | x | | x | | |
| CELO 4 | | x | x | | |
| CELO 5 | | x | x | | |
| CELO 6 | | x | x | | |
| CELO 7 | x | x | x | | |

VII. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (8 tuần)

| Tuần | Nội dung chi tiết | KQHTMD của học phần |
|------|--|------------------------|
| 1 | Bài 1: Xác định tầm quan trọng và lịch sử phát triển của dược liệu Định nghĩa và tầm quan trọng của dược liệu Lịch sử phát triển của dược liệu | CELO 1, 2,3,7 |
| 2 | Bài 2: Xác định thành phần, tác dụng của dược liệu Nhóm vô cơ Nhóm hữu cơ | CELO 1, 2,3,7 |
| 3 | Bài 3: Mô tả cây dược liệu chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ Cây dược liệu chứa carbohydrate Cây dược liệu chứa glycoside Cây dược liệu chứa acid hữu cơ | CELO 1, 2,3,7 |
| 4 | Bài 4: Mô tả cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn, alkaloid, lipid Cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn Cây dược liệu chứa alkaloid Cây dược liệu chứa tinh dầu, lipid | CELO 1, 2,3,7 |

B. Phần thực hành (6 tuần)

| Tuần | Nội dung chi tiết | KQHTMD của học phần |
|------|--|------------------------|
| 1 | Bài 1: Gieo và trồng cây dược liệu Cách gieo trồng cây thuốc Chăm sóc cây thuốc | CELO 4,5,6,7 |
| 2 | Bài 2: Chăm sóc cây dược liệu Trồng cây thuốc Chăm sóc cây dược liệu | CELO 4,5,6,7 |
| 3 | Bài 3: Trình bày kỹ thuật thu hái, phơi sấy Thu hái dược liệu | CELO 4,5,6,7 |

| | | |
|---|--|--------------|
| | Phơi sấy dược liệu | |
| 4 | Bài 4: Trình bày kỹ thuật chế biến, bảo quản dược liệu Chế biến dược liệu Bảo quản dược liệu | CELO 4,5,6,7 |
| 5 | Bài 5: Nhận dạng một số cây dược liệu thông dụng chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ Nhận dạng một số cây dược liệu carbohydrate Nhận dạng một số cây dược liệu glycoside Nhận dạng một số cây dược liệu acid hữu cơ | CELO 4,5,6,7 |
| 6 | Bài 6: Nhận dạng một số cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn, alkaloid, lipid Nhận dạng một số cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn Nhận dạng một số cây dược liệu chứa alkaloid Nhận dạng một số cây dược liệu chứa lipid | CELO 4,5,6,7 |

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Huỳnh Kim Diệu, 2012. Dược lý thú y. Đại học Cần Thơ.
2. Bộ y tế, 2005, Dược liệu, NXB y học, Hà Nội.
3. Huỳnh Kim Diệu, 2000, Bài giảng Dược lý thú y, ĐHCT.
4. Lê Quang Hưng, 2008, Cây dược liệu, ĐHNLTTPHCM.

Tiếng Anh

- 1/ Gerard A. McKay, John L. Reid and Matthew R, Walters (2010). Clinical Pharmacology and Therapeutics, 8th edition, Blackwell Publisher
- 2/Varaprasad Bobbarala (2012), Antimicrobial Agent, Published by InTech, Janeza Trdine 9, 51000 Rijeka, Croatia (Kháng sinh thực vật)
- 3/ David H. Watson (2004), Pesticide, veterinary and other residues in food, Woodhead Publishing Limited I USA
- 4/ Arthur J. Atkinson, Shiew-Mei Huang, Juan J.L. Lertora, Sanford p. Markev (2012) Principles of Clinical Pharmacology.Third edition, Elsevier Limited I Philadelphia, USA.
- 5/ Kokate C.K. (1994). *Practical pharmacognosy*, Vallabh Prakashan, New Delhi.
- 12- Maddison J. (2008). *Small Animal Clinical Pharmacology*. Second edition, Saunders Elsevier Limited , Philadelphia, USA.

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học lý thuyết, phòng thực hành dược lý thú y
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, máy tính, đĩa petri, cốc thủy tinh, ống đồng, cân, đùa thủy tinh, ống tiêm, kéo, pen và một số dụng cụ phòng thí nghiệm, mẫu thuốc, hóa chất, găng tay, khẩu trang....

Trà Vinh, ngày 1. tháng 8 năm 2017

TRƯỜNG KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)

Lâm Thái Hùng

TRƯỜNG BM

(Kí và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Điều

GV BIÊN SOẠN

(Kí và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Linh Quyên

PHỤ LỤC
Rubric 1: Lý thuyết môn dược liệu

| Tên sinh viên: | | | MSSV: | Mã lớp: | | |
|------------------|----------------------------------|-------------------|---|--|---|--------------------------------------|
| Tiêu chí | | Điểm/Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
| Chuyên cần | Thời gian tham dự | 2 | Tham dự 100% số tiết lý thuyết | Tham dự trên 80% số tiết lý thuyết | Tham dự 80% số tiết lý thuyết | Tham dự ít hơn 80% số tiết lý thuyết |
| | | | | | | |
| Trả lời câu hỏi | Thái độ tham gia trả lời câu hỏi | 2 | Tích cực tham gia trả lời câu hỏi | Có tham gia trả lời câu hỏi | Ít tham gia trả lời câu hỏi | Không tham gia trả lời câu hỏi |
| | | | | | | |
| Thảo luận nhóm | Thái độ tham gia thảo luận | 2 | Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận | Tham gia thảo luận | Ít tham gia thảo luận | Không tham gia |
| | | | | | | |
| | Kỹ năng thảo luận | 2 | Phân tích, đánh giá tốt | Phân tích, đánh giá khá tốt | Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt | Phân tích, đánh giá chưa tốt |
| | | | | | | |
| | Chất lượng đóng góp ý kiến | 2 | Sáng tạo, phù hợp | Phù hợp | Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp | Không phù hợp |
| | | | | | | |
| Làm báo cáo nhóm | Nội dung bài báo cáo | 2,5 | Đầy đủ, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu | Đầy đủ, chính xác nhưng thiếu khoa học | Không đầy đủ, có nhiều nội dung không chính xác | Không đúng nội dung |
| | | | | | | |
| | Hình thức, cấu trúc bài báo cáo | 1 | Hợp lý, logich, sinh động | Hợp lý, logich, không sinh động | Hợp lý, không logich, không sinh động | Không hợp lý, không sinh động |
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|------------------|--------------------------------------|-----|----------------------|--------------------------|--|----------------------------------|
| | Trình chiếu bài báo cáo | 0,5 | Nhanh, gọn | Chậm chạp | Còn lưỡng cửng | Không biết trình chiếu |
| | Phối hợp nhóm | 0,5 | Nhóm phối hợp tốt | Nhóm phối hợp khá tốt | Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt | Không thể hiện sự phối hợp |
| Tổng cộng | Tên và chữ ký của giảng viên: | | | | | |

Rubric 2: Thực hành môn dược liệu

| Tên sinh viên: | | | MSSV: | Mã lớp: | | | |
|----------------------|--------------------------|--|--|---|--|--|--|
| Tiêu chí | Điểm/ Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% | | |
| Thời gian tham dự | 2 | Tham dự 100% số tiết thực hành | Tham dự 75% số tiết thực hành trở lên | Tham dự ít nhất 50% số tiết thực hành | Không tham gia thực hành | | |
| | | | | | | | |
| Thái độ tham dự | 2 | Tích cực tham gia các hoạt động thực hành | Có tham gia các hoạt động thực hành | Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thực hành | Không tham gia các hoạt động thực hành | | |
| | | | | | | | |
| Các bước thực hành | 2 | Đúng và đầy đủ các bước thực hành | Đúng nhưng chưa đầy đủ các bước thực hành | Chưa đúng hoặc chưa đầy đủ các bước thực hành | Không đúng các bước thực hành | | |
| | | | | | | | |
| Kết quả thực hành | 2 | Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu | Đáp ứng khá tốt các yêu cầu | Đáp ứng tương đối các yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu | | |
| | | | | | | | |
| Báo cáo thực hành | 1 | Nhận dạng đúng mẫu dược liệu theo yêu cầu của giảng viên | Nhận dạng còn ít sai sót mẫu dược liệu theo yêu cầu của giảng viên | Nhận dạng tương đối mẫu dược liệu theo yêu cầu của giảng viên | Nhận dạng không đúng dược liệu theo yêu cầu của giảng viên | | |
| | | | | | | | |
| | 1 | Phân biệt rõ ràng, chi tiết về dược liệu | Phân biệt khá rõ ràng về về dược liệu | Phân biệt tương đối rõ ràng về dược liệu | Phân biệt không rõ ràng về dược liệu | | |
| Tổng cộng | | Tên và chữ ký của giảng viên: | | | | | |

Rubric 3: Thi hết môn - môn dược liệu

| Số lượng câu hỏi | Điểm/câu | Nội dung câu hỏi/môn học | KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|------------------|----------|--|--|
| 4 | 0,25 | Bài 1: Xác định tầm quan trọng và lịch sử phát triển của dược liệu | CELO 1, 2,3,7 |
| 4 | | Bài 2: Xác định thành phần, tác dụng của dược liệu | CELO 1, 2,3,7 |
| 4 | | Bài 3: Mô tả cây dược liệu chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ | CELO 1, 2,3,7 |
| 4 | | Bài 4: Mô tả cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn, alkaloid, lipid | CELO 1, 2,3,7 |
| 4 | | Bài 1: Gieo và trồng cây dược liệu | CELO 4,5,6,7 |
| 4 | | Bài 2: Chăm sóc cây dược liệu | CELO 4,5,6,7 |
| 4 | | Bài 3: Trình bày kỹ thuật thu hái, phơi sấy | CELO 4,5,6,7 |
| 4 | | Bài 4: Trình bày kỹ thuật chế biến, bảo quản dược liệu | CELO 4,5,6,7 |
| 4 | | Bài 5: Nhận dạng một số cây dược liệu thông dụng chứa carbohydrate, glycoside, acid hữu cơ | CELO 4,5,6,7 |
| 4 | | Bài 6: Nhận dạng một số cây dược liệu chứa chất kháng khuẩn, alkaloid, lipid | CELO 4,5,6,7 |